

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kính thưa Quý cổ đông cùng toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty Cổ phần cơ khí và Khoáng sản Hà Giang,

Một năm kết thúc với việc hoàn thành một số chỉ tiêu trọng yếu về kết quả sản xuất kinh doanh trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều khó khăn, thử thách từ nội tại doanh nghiệp cũng như áp lực từ môi trường kinh doanh bên ngoài. Năm 2018 là một năm nhiều biến động của nền kinh tế thế giới, do các tác động của chiến tranh thương mại cùng những rủi ro trên thị trường tài chính. Hơn nữa, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang có những tác động ảnh hưởng mạnh mẽ, và tạo ra những thay đổi lớn trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó chính sách Nhà nước ngày càng thắt chặt đối với hoạt động sản xuất kinh doanh khoáng sản, cùng với giá nhiều nguyên nhiên liệu đầu vào tăng, giá nhân công lao động tăng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mặc dù chịu nhiều khó khăn, bất lợi nhưng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất lao động đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm kiếm thêm khách hàng mới để hoàn thành và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà đại hội cổ đông đã đề ra.

Thay mặt tập thể Ban Lãnh đạo Công ty, tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Quý vị cổ đông đã luôn đặt niềm tin ở Công ty, tạo dựng một niềm tin bền vững về khả năng phát triển của Công ty. Kết quả kinh doanh ngày hôm nay của công ty là thành quả chung của rất nhiều trái tim và khối óc chung nhịp trong suốt những tháng qua của năm 2018. Cảm ơn toàn bộ quý vị Cổ đông và chúc toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty một năm mới với nhiệt huyết và ý chí vững vàng để đưa Công ty lên những đỉnh cao mới

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thành Đô

(Mẫu phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-HGM

Hà Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG
(Năm 2018)

I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Thông tin về công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang

- Tên công ty: Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang.
- Tên tiếng Anh: Hà Giang Mineral and Mechanics Joint Stock Company.
- Tên Giao dịch quốc tế: HaGiang Mining.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5100101762
- Vốn điều lệ: 126.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 126.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 390, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
- Số điện thoại: 02193 866708, 02193 867533
- Số fax: 02193 867068
- Website: www.hgm.vn
- Mã cổ phiếu: HGM

2. Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

- Tổ chức thăm dò và chế biến các loại khoáng sản;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí, xây dựng và lắp đặt các công trình điện vừa và nhỏ có cấp điện áp đến 35 KV;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng.

3. Tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển;

- Tầm nhìn: Trở thành một trong những Công ty sản xuất và cung cấp Antimon kim loại hàng đầu ngoài Trung Quốc.

- Sứ mệnh: Xây dựng thương hiệu HGM thành thương hiệu mạnh và có uy tín đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Định hướng phát triển:

Đối với sản xuất:

- Đầu tư hoàn thiện dây chuyền tuyển quặng Antimon để tận thu tài nguyên khoáng sản;
- Chuẩn bị công tác cải tạo, sửa chữa lò thiêu quặng
- Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất
- Tổ chức thăm dò, nâng cấp trữ lượng mỏ quặng Antimon Mậu Duệ đưa vào khai thác phục vụ nguyên liệu cho Nhà máy Luyện;
- Hoàn thành hồ sơ hoàn công và quyết toán Dự án bãi thải I
- Mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng cường công tác thu mua quặng hàm lượng cao hỗ trợ nguyên liệu cho Nhà máy Luyện.

Đối với tổ chức và bộ máy điều hành:

- Xây dựng bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp mạch lạc, rõ ràng;

Đối với nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ;
- Đổi mới, hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động, cơ chế trả lương;
- Thực hiện tốt quy chế lao động và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Đối với công nghệ, máy móc thiết bị

- Nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ mới trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi quặng.
- Đầu tư trang thiết bị máy móc mới để nâng cao năng suất lao động.

4. Những chặng đường phát triển

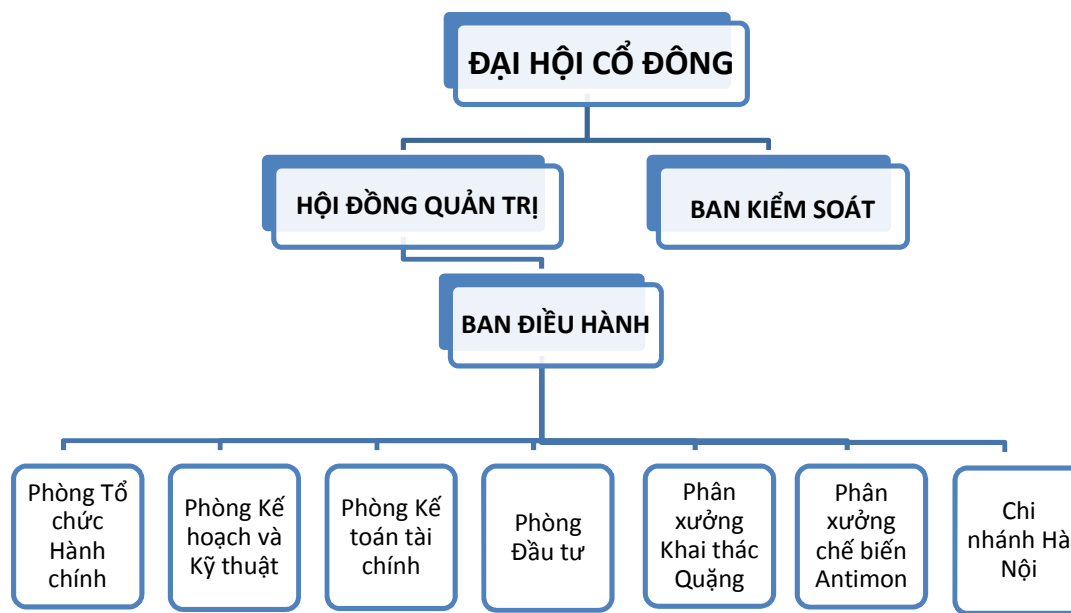
- **Năm 1995**, Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang, tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác và Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang
- **Năm 1996**, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được cấp giấy phép khai thác khoáng sản quặng antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, Yên Minh, Hà Giang

- **Năm 2002**, Dây truyền tuyển quặng antimony cho ra sản phẩm đầu tiên.
- **Năm 2003**, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang nhận giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Chì Kẽm tại điểm quặng tại xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.
- **Năm 2004**, Sản phẩm của công ty đoạt Huy chương Vàng sản phẩm kim loại Antimon tại Hội chợ Triển lãm Thương mại Quốc tế EXPO, giải thưởng chất lượng Vàng Việt Nam và nhiều giải thưởng khác.
- **Năm 2005**, Công ty Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang.
- Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân ra đời là kết quả hợp tác giữa Công ty Hữu hạn Kinh mậu Chúng Thao Vân Nam (Trung quốc) và Công ty Cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang (Việt Nam) thực hiện chức năng tuyển quặng chì, kẽm.
- **Năm 2006**, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần.
- **Ngày 21/12/2009**, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HGM và số lượng cổ phiếu niêm yết là 6.000.000 cổ phiếu.
- **Năm 2012**, Thành lập Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang”.
- **Năm 2013**, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, nâng vốn điều lệ lên 126.000.000.000 đồng.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

5.1. Mô hình quản trị

Sơ đồ tổ chức công ty Cổ Phần Cơ Khí và Khoáng Sản Hà Giang



5.2. Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như dưới đây:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu; gồm có 7 người và thực hiện chức năng giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.
- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo Quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH14 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- **Ban điều hành:** do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban điều hành của Công ty gồm có Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng.

5.3. Tình hình lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 156 người, tính đến thời điểm hiện tại là 152 người. Trong đó Nam 123 người, Nữ 29 người.

Bao gồm 12 dân tộc: Kinh, Tày, Giáy, Clao, Nùng, Cao Lan, Sán Chi, Dao, H'mông, Hoa, Thái Mường; lao động là người dân tộc thiểu số và là người địa phương chiếm khoảng 55% tổng số lao động của Công ty.

5.4. Các tổ chức đoàn thể trong Công ty

Tổ chức Đảng : Có 01 Chi bộ trực thuộc Đảng ủy khối Cơ quan – Doanh nghiệp.

Tổ chức Công đoàn, bao gồm toàn thể CBCNV, người lao động trong công ty, trực thuộc Liên đoàn lao động Thành phố Hà Giang.

Tổ chức đoàn thanh niên công ty trực thuộc Đoàn khối Cơ quan – Doanh nghiệp.

6. Các rủi ro:

- **Rủi ro về pháp luật:** Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh khoáng sản ngày càng chịu sự thắt chặt của Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ tài nguyên và môi trường, Luật quản lý thuế... Do vậy sự thay đổi về chính sách của Nhà nước đều ảnh hưởng đến chiến lược và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- **Rủi ro về nguyên liệu đầu vào:** Khoáng sản là nguồn tài nguyên không tái tạo được, đồng thời do nguồn tài nguyên này nằm sâu dưới lòng đất nên không thể có sự thăm dò chính xác về trữ lượng tài nguyên. Do vậy những yếu tố về trữ lượng, chất lượng khoáng sản ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- **Rủi ro về thời tiết:** Do đặc thù của ngành khai thác khoáng sản là khai thác lộ thiên hoặc khai thác hầm lò do vậy ảnh hưởng của thời tiết, ví dụ như mưa nhiều đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty.

- **Rủi ro về môi trường:** Việc khai thác và chế biến khoáng sản nhìn chung đều có ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh rất tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào các tranh cãi pháp lý.

7. Các hoạt động xã hội năm 2018

Là một trong những doanh nghiệp trọng điểm của tỉnh, Công ty đã có nhiều đóng góp cho việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hà Giang. Hiện Công ty được tỉnh phân công hỗ trợ phát triển xã Hữu Vinh và địa bàn xã Mậu Duệ huyện Yên Minh nơi có Nhà máy đang hoạt động. Trong năm vừa qua Công ty đã tích cực vận động cán bộ công nhân lao động, các cổ đông thực hiện công tác an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện. Cụ thể:

Tại địa bàn xã Hữu Vinh: Trong năm vừa qua Công ty đã thực hiện hỗ trợ các hộ nghèo 40 triệu đồng, hỗ trợ đoàn thể xã 5 triệu đồng, hỗ trợ làm đèn đường thôn Nà Tấu số tiền 50 triệu đồng, hỗ trợ gia đình người dân bị thiệt hại do hỏa hoạn 11 triệu đồng. Ngoài ra công ty còn giúp đỡ hỗ trợ 3 trường học trong xã nhân dịp khai giảng năm học mới 9 triệu đồng. Tổng số tiền hỗ trợ xã Hữu Vinh là 115 triệu đồng.

Tại địa bàn xã Mậu Duệ, Công ty cũng đã thể hiện sự quan tâm đến đời sống người dân qua các hoạt động hỗ trợ các hộ nghèo, các đoàn thể, trường học, phòng khám, xây dựng cơ sở vật chất, đường xá.... Tổng số tiền hỗ trợ là 411 triệu đồng

Ngoài ra công ty còn tích cực đóng góp hỗ trợ các đơn vị khác là 102 triệu đồng, hỗ trợ 1 phần kinh phí xây dựng tuyến đường Bê tông từ thôn Nà Đon đi thôn Thâm Tiêng năm 2018 là 1 tỷ đồng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Do sản phẩm đầu ra đặc thù của Công ty là Antimon kim loại xuất khẩu nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất lớn vào giá Antimon trên thị trường thế giới. Trong năm 2018, giá tiêu thụ kim loại Antimon trên thị trường MB tương đối ổn định, mặc dù có biến động lên xuống theo cung cầu của thị trường, thời điểm giá cao nhất đạt 8.885 USD/ tấn, thời điểm giá thấp nhất là tháng 12 giá bình quân chỉ đạt 8.320 USD/tấn. Giá bình quân cả năm đạt 8,613.40 USD/tấn, giảm 1,59% so với mức giá bình quân 8.627,19 USD/tấn năm 2017.

Thực hiện xong dự án cải tạo sửa chữa lò thiêu quặng đưa vào sản xuất chạy thử từ ngày 14/6 và bắt đầu ổn định sản xuất từ tháng 8/2018. Với khối lượng công việc rất lớn, yêu cầu kỹ thuật cao và bảo đảm an toàn tuyệt đối trong quá trình thi công; Công ty vừa tổ chức sản xuất, vừa thi công xây dựng, vừa đào tạo tay nghề kỹ thuật cho công nhân. Sau một thời gian tích cực, khẩn trương với sự phối hợp cộng tác, giúp đỡ nhiệt tình của Ban Lãnh đạo cùng các chuyên gia, phiên dịch, công nhân kỹ thuật của đơn vị bạn. Đồng thời với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban quản lý dự án và sự quyết tâm cao, cố gắng thi đua của toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty dự án cải tạo, sửa chữa lò thiêu quặng đã được đưa vào sản xuất theo đúng kế hoạch đề ra. Việc triển khai thành công dự án này là rất cần thiết, có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty, là tiền đề cho triển khai các dự án đầu tư tiếp theo để bảo đảm ổn định sản xuất, định hướng cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ ổn định, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, đa dạng các loại sản phẩm cũng tạo điều kiện thuận lợi cho tình hình kinh doanh của công ty trong năm 2018.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm cũng gặp nhiều khó khăn như sau:

- Thứ nhất: Thiếu nguyên liệu do phải hạn chế việc khai thác, đổ thải tại mỏ để phục vụ việc tái đánh giá cao nguyên đá Đồng Văn vào đầu tháng 8/2018.
- Thứ hai: Nhân lực bị phân tán do phải tập trung giải quyết, xử lý các tồn tại sau kết luận thanh tra, kiểm tra về công tác môi trường tại khu vực mỏ và nhà máy luyện.
- Thứ ba: Hệ thống lò luyện tinh đã xuống cấp, trong năm đã xảy ra sự cố đột xuất của lò luyện đã ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất.

Mặc dù gặp những khó khăn như trên, nhưng Ban Giám đốc công ty đã nỗ lực khắc phục và đạt kết quả sản xuất kinh doanh như bảng dưới đây:

Bảng 1: Báo cáo thực hiện kết quả hoạt động SXKD năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh (%)	
					KH	TH 2017
01	Doanh thu bán hàng	Tỷ		112,15		107,5%
02	Sản phẩm					
	Sản lượng sản xuất	Tấn	600	502,95	83,8%	81,2%

	Kim loại Antimon					
	Khối lượng tiêu thụ Kim loại Antimon	Tấn	650	602	92,6%	106,2%
03	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	38,7	40	103,3%	137,4%
04	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	15%	15% (đợt 1)	100%	

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2018

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2018:

- Sản lượng sản xuất kim loại cả năm 2018 đạt 503,94 tấn, đạt 83,8% so với kế hoạch. Việc khách hàng yêu cầu xử lý Na nâng cao chất lượng phần nào làm kéo dài thêm thời gian ra lò. Bên cạnh đó, việc thiếu nguyên liệu do hạn chế khai thác, đổ thải tại mỏ để phục vụ việc tái đánh giá cao nguyên đá, thời gian thi công xây dựng cơ bản kéo dài so với kế hoạch do khối lượng thi công các thiết bị tiêu chuẩn với khối lượng lớn, hệ thống lò luyện tinh cần được nâng cấp... đã ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất.
- Tiêu thụ kim loại trong năm đạt 602 tấn, thực hiện được 92,6% kế hoạch, đạt 106,2% so với cùng kỳ 2017. Trong đó xuất khẩu đạt 543,2 tấn, chiếm 90,2%, bán nội địa đạt 58,6 tấn chiếm 9,8%
- Doanh thu bán kim loại năm 2018 đạt 112,15 tỷ đồng, bằng 107,5% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu năm nay tăng một phần do lượng tiêu thụ sản phẩm tăng 35,2 tấn so với cùng kỳ năm trước, tương đương mức tăng 6,2%.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 40 tỷ đồng, đạt 103,35% so với kế hoạch và bằng 137,4% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ **Danh sách Ban Điều hành:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ (%)
1	Ma Ngọc Tiến	Giám đốc	40.800	0,323
2	Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	245.200	1,946
3	Đào Xuân Tuất (Miễn nhiệm ngày 30/10/2018)	Phó Giám đốc	149.600	1,187
4	Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc	40.400	0,320

5	Đỗ Khắc Hùng	Kế toán trưởng	78.000	0,619
---	--------------	----------------	--------	-------

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Về hoạt động đầu tư

Hiện công ty có một công ty liên kết là Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương. Tại ngày 31/12/2018, Công ty sở hữu 613.116 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 35,7% vốn điều lệ của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.

Ngoài công ty liên kết như trên, Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang hiện có đầu tư vào đơn vị khác là: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng. Hiện công ty đang sở hữu 4.166.988 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 9,69% Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

3.2. Về việc triển khai các dự án

- Triển khai hoàn thiện hồ sơ Dự án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Antimon Mậu Duệ.
- Thực hiện xong Dự án cải tạo, sửa chữa lò thiêu quặng.
- Thực hiện xong Dự án lắp đặt trạm xử lý khí thải cho Nhà máy luyện Antimon Mậu Duệ.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	263.058.424.495	250.628.511.702	- 4,7%
2	Doanh thu thuần	104.251.282.519	112.168.894.987	7,6%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.632.267.156	41.622.464.625	40,47%
4	Lợi nhuận khác	(521.735.807)	(1.558.395.279)	
5	Lợi nhuận trước thuế	29.110.531.349	40.064.069.346	38%
6	Lợi nhuận sau thuế	26.765.461.562	35.192.948.358	31%
7	Tỷ lệ trả cổ tức		≥ 15%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4.33	6.55

	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3.84	5.39
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	19.66%	14.16%
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	24.46%	16.5%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3.25	1.89
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0.31	0.43
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	25.67%	31.3%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12.66%	16.36%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10.17%	14.04%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	28.42%	37.11%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

➤ Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đ/cp;
- Tổng số cổ phần: 12.600.00 cp;
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 679.280 cp;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.920.720 cp.

➤ Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	04	7.956.660	63,14%
2	Cá nhân	132	4.554.940	36,15%

	Tổng	136	12.511.600	
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	6	70.300	0.55%
2	Cá nhân	6	18.100	0,14%
	Tổng	12	88.400	
III	Cổ phiếu quỹ		679.280	5,39%
	Tổng cộng:	148	12.600.000	100%

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;
- Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018 là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2016 -2020. Năm 2018 thị trường tiêu thụ kim loại màu có nhiều biến động, tuy giá antimony năm 2018 tương đối ổn định so với năm 2017. Hơn nữa, 2018-2023 được dự báo sẽ là giai đoạn tăng trưởng của thị trường antimony toàn cầu . Giá bán kim loại antimony vẫn giữ ổn định ở mức mức: 8,613.40 USD/tấn (giảm 0,16 % so với mức giá 8,627.19 USD/ tấn) bình quân của năm 2017.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được
 - Đối với hoạt động khai thác: Về công tác thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Antimon Mậu Duệ. Hoàn thiện hồ sơ việc bổ sung thăm dò nâng cấp mỏ. Công tác khoan thăm dò được bắt đầu thực hiện từ ngày 13/12/2017 và kết thúc ngày 21/05/2018, các lỗ khoan đều gặp quặng. Hiện đơn vị tư vấn đang làm các thủ tục đề nghị Hội đồng đánh giá trữ lượng quốc gia thăm định hồ sơ.
 - Đối với hoạt động thiêu luyện: Năm 2018, Công ty đã triển khai cải tạo, sửa chữa lò thiêu quặng. Do đó, kết quả thiêu quặng đã có những thay đổi tích cực và hiệu suất thu hồi quặng đã nâng lên so với năm 2017, hiệu suất thu hồi trong thiêu đạt trên 90%.

- Công tác môi trường: Tổ chức thi công lắp đặt trạm xử lý khí thải của Nhà máy luyện Antimon Mậu Duệ để đưa vào sản xuất.
- Hoạt động đầu tư tài chính: Các đơn vị góp vốn trong năm đều có kết quả kinh doanh tốt.

+ Công ty cổ phần Chế biến và Khai thác khoáng sản Hải Dương. Doanh thu năm 2018 là 117,9 tỷ đồng, đạt 83,25% kế hoạch năm. Lợi nhuận 8,06 tỷ đồng, đạt 107,5% kế hoạch năm.

+ Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng. Doanh thu năm 2018 là 1.850 tỷ đồng, đạt 83,8% kế hoạch năm, Lợi nhuận đạt 18 tỷ đồng, đạt 35,6% kế hoạch năm.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	145.198.138.413	57.93%	165.804.239.996	63 %
Tài sản dài hạn	105.430.373.289	42.07%	97.254.184.499	37%
Tổng cộng tài sản	250.628.511.702	100%	263.058.424.495	100%

Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2018 đã giảm so với năm 2017 và tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2018 giảm so với năm 2017 là do sự sụt giảm Giá trị tài sản ngắn hạn do giảm tiền mặt và các khoản tương đương tiền.

- Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	22.165.621.608	62.46%	38.260.123.713	74%
Nợ dài hạn	13.325.020.382	37.54%	13.446.827.882	26%
Tổng nợ	35.490.641.990	100%	51.706.951.596	100%

Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

Tình hình nợ phải trả Năm 2018 đã sụt giảm đáng kể so với năm 2017 chủ yếu là do giảm các khoản phải trả ngắn hạn khác và do giảm khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2018, Ban Giám đốc đã bổ sung, hoàn thiện trình Hội đồng quản trị ban hành một số quy chế quản trị nội bộ và quy trình để hoàn thiện công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể: Về công tác quản trị, Công ty đã ban hành Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã chỉnh sửa bổ sung theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản; Quy chế phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, quyết định bổ nhiệm người công bố thông tin nhiệm kỳ 2016 – 2020.

4. Định hướng phát triển cho năm 2019

Trên cơ sở đánh giá triển vọng của thị trường antimon thế giới năm 2019 cùng những yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội tác động đến hiệu quả hoạt động sản xuất của Công ty, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc đã thống nhất phương hướng hoạt động của năm 2019 như sau:

1. Đổi mới công nghệ khai thác, tuyển rửa quặng nâng cao công suất khai thác, bảo đảm đủ lượng quặng cung cấp cho sản xuất. Dự kiến sẽ triển khai đầu tư dây chuyền tuyển rửa quặng trong năm 2019.
2. Nâng cao khả năng xử lý khí thải, nước thải bảo vệ môi trường. Dự kiến trong năm 2019 sẽ tiến hành cải tạo, nâng cấp Trạm xử lý khí thải Nhà máy thiêu luyện và Hệ thống xử lý nước thải tại mỏ khai thác.
3. Đổi mới thiết bị thiêu, luyện để thiêu kết được toàn bộ các loại quặng khai thác và tinh quặng bột sau tuyển, nâng cao hiệu suất thu hồi chung. Năm 2019 triển khai xây lò luyện xỉ bọt và xây lò tinh luyện 40 tấn,
4. Duy trì và ổn định sản xuất, phấn đấu đạt và vượt được chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 giao.
5. Đổi mới mô hình quản lý, đào tạo nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chuẩn hóa quy trình sản xuất.

4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến KQKD 2019:

Về tình hình thị trường Antimon thế giới: Năm 2018 vừa qua được đánh giá là khá ổn định đối với thị trường Antimon thế giới. Bước sang năm 2019, bối cảnh tình hình kinh tế thế giới đã mở ra cho thị trường Antimon một số thách thức mới:

Trung Quốc- nhà sản xuất và tiêu thụ Antimon lớn nhất thế giới hiện đang trong tình cảnh tăng trưởng kinh tế đã giảm xuống mức chậm nhất trong vòng 3 thập kỉ trở lại đây. Trong cả năm 2018, nền kinh tế Trung Quốc đã tăng 6,6% - tốc độ chậm nhất kể từ năm 1990 - và giảm từ mức 6,8% trong năm 2017. Cùng với sự suy thoái của nền kinh tế Trung Quốc, cuộc chiến thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc tiếp tục ảnh hưởng xấu đến ngành công nghiệp kim loại.

Bên cạnh đó, Nhà máy sản xuất chế biến vàng và Antimon tại Oman dự kiến sẽ đưa vào hoạt động vào quý đầu năm 2019. Đây là nhà máy quy mô lớn nhất bên ngoài Trung Quốc, có khả năng sản xuất 20,000 tấn Antimon kim loại và Antimon trioxide mỗi năm. Như vậy sẽ tác động lớn đến nguồn cung Antimon thế giới

Tuy nhiên, thị trường vẫn hi vọng những diễn biến khả quan khi những nhà sản xuất tiêu thụ hồi phục trở lại. Những căng thẳng về kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ dần hạ nhiệt vì khá rõ ràng rằng sự gia tăng căng thẳng là không có lợi cho ai. Hai nước đang gần đạt đến thỏa thuận hơn trước đây. Bắc Kinh và Washington phải đến ngày 1 tháng 3 để đạt được thỏa thuận thương mại mới.

Năm 2019, ban Giám đốc công ty dự báo những yếu tố nội tại sau sẽ trực tiếp đến kết quả kinh doanh của năm 2019:

- Chi phí thuế tài nguyên sẽ tăng khi áp dụng phương pháp tính thuế theo sản phẩm công nghiệp.
- Giá tính thuế tăng làm tăng phí cấp quyền khai thác.
- Thiếu nguyên liệu đầu vào với hàm lượng Antimon cao.
- Chính sách tiền lương thay đổi, ảnh hưởng đến khoản nộp Bảo hiểm xã hội tăng từ năm 2018.
- Công tác khai thác gặp khó khăn. Công ty ngày càng phải khai thác xuống sâu và xa hơn nên cung độ vận chuyển và hệ số bóc tách tăng, hàm lượng quặng khai thác giảm.
- Hệ thống thiết bị cũ lạc hậu làm ảnh hưởng đến hiệu quả thu hồi. Trình độ kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu trong thiêu luyện dẫn đến kéo dài thời gian ra sản phẩm. Tuy nhiên, việc cải tạo, sửa chữa lò thiêu hoàn thiện ổn định đi vào sản xuất sẽ giải quyết được lượng bột quặng tồn, giảm lượng quặng khai thác từ mỏ.

4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2019

Bảng 2: Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	125
2	Sản xuất kim loại antimon	Tấn	700
3	Tiêu thụ kim loại antimon	Tấn	680
4	Cổ tức	%	≥15
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	45

4.3. Các giải pháp thực hiện mục tiêu kinh doanh năm 2019:

➤ **Nhóm giải pháp thúc đẩy hoạt động khai thác:**

- Tập trung bóc xúc khối lượng mỏ theo kế hoạch, tăng cường công tác khai thác, tuyển đảm bảo lượng quặng cung cấp cho sản xuất;
- Xây dựng phương án thiết kế khai thác hiệu quả, linh hoạt có khả năng ứng phó kịp thời với thời tiết khí hậu, tận thu được nhiều nhất tài nguyên, hạn chế ô nhiễm môi trường.

➤ **Nhóm giải pháp đối với hoạt động thiêu luyện:**

- Tăng cường mua quặng ngoài có hàm lượng cao để phối trộn hiệu quả
- Hoàn thiện việc điều chỉnh kỹ thuật lò thiêu, tăng cường các biện pháp để nâng cao năng suất và hiệu quả thu hồi trong thiêu đảm bảo đủ phục vụ cho tinh luyện
- Tập trung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ thiêu xỉ bột tận thu kim loại trong xỉ;
- Xây dựng phương án cải tạo nâng cấp trạm khí hóa than; thay ống cong, phễu thu, buồng thu bụi túi vải hệ thống luyện tinh.
- Xây dựng thang bảng lương nhằm tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động và hiệu suất thu hồi trong thiêu đảm bảo phục vụ cho tinh luyện

➤ **Nhóm giải pháp phát triển thị trường:** Tăng cường công tác tiêu thụ sản phẩm và đa dạng hóa loại sản phẩm, tích cực mở rộng đối tượng khách hàng mới.

➤ **Nhóm giải pháp về môi trường:** Hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường theo kết luận sau thanh tra của các đoàn thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường.

➤ **Nhóm giải pháp về quản trị điều hành**

- Nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý để phát huy vai trò tham mưu và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chương trình đào tạo hiệu quả và chính sách đãi ngộ phù hợp với từng cấp bậc và vị trí;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của các Phòng ban, Phân xưởng và chi nhánh để kịp thời điều chỉnh, giúp giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại các đơn vị.
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Thứ nhất: Như đã trình bày tại thuyết minh số 5 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang trình bày khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo giá gốc với số tiền là 69.469.880.000 đồng và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 28.501.943.890 đồng căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng. Đồng thời, số vốn đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng trong công thức tính mức trích lập dự phòng được xác định bằng số lượng cổ phần Công ty nắm giữ nhân với mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cổ phiếu. Nếu Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng theo đúng hướng dẫn của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, Công ty cần điều chỉnh hồi tố trích lập bổ sung dự phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền khoảng 27,6 tỷ đồng và hoàn nhập dự phòng cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền khoảng 1,8 tỷ đồng, theo đó lợi nhuận trước thuế năm 2017 sẽ giảm 27,6 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế năm 2018 sẽ tăng số tiền khoảng 1,8 tỷ đồng.

Thứ hai: Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Dự án nhà máy tuyển quặng Antimon Mậu Duệ đã được triển khai từ năm 2013 theo Quyết định số 212/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy tuyển quặng Antimon Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Dự án vẫn chưa hoàn thành giai đoạn thực hiện đầu tư để đi vào hoạt động. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ

các bằng chứng liên quan đến việc tiếp tục triển khai hay dừng dự án. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu trong đoạn ” Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày vấn đề không chắc chắn trọng yếu liên quan đến việc ghi nhận khoản phải nộp về Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang liên quan đến nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư, nâng cấp duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Giải trình của Ban Giám đốc:

- Thứ nhất: Về khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (Cisco): Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Cisco từ năm 2014 đến năm 2016 bị lỗ nên HGM đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đến thời điểm 31/12/2017 theo phương pháp mệnh giá theo hướng dẫn của thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên theo ý kiến của đơn vị kiểm toán thì nếu Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá trị đầu tư thực tế thì phải trích lập thêm khoảng 27,6 tỷ đồng so với phương pháp trích lập dự phòng theo mệnh giá đầu tư mà công ty đang thực hiện. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính, Công ty đánh giá việc ghi nhận khoản đã trích lập dự phòng theo mệnh giá là phù hợp. Đến nay kết quả sản xuất kinh doanh của Cisco năm 2017, 2018 đều có lãi do vậy Công ty đã dừng không trích lập thêm khoản dự phòng đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư này.

- Thứ hai: Dự án nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt từ năm 2013, hiện tại đã triển khai xong phần lập thiết kế, thuê tư vấn đầu tư và đã được cấp giấy phép đầu tư. Tuy nhiên đến thời điểm này thì công nghệ kỹ thuật theo phương án không còn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đang xem xét đánh giá lại công nghệ và hiệu quả của dự án. Đến thời điểm này, công ty đang lựa chọn công nghệ phù hợp để trình Hội đồng quản trị quyết định triển khai đầu tư hay dừng dự án.
- Thứ ba: Vấn đề cần nhấn mạnh: Về khoản nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để nâng cấp duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn tỉnh theo quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND, ngày 3/12/2012 của UBND tỉnh Hà Giang. Căn cứ Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hà Giang và các cơ quan liên quan về việc đề nghị Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc tạm dừng thực hiện thu khoản đóng góp nêu trên. Trên cơ sở đó, Công ty đã quyết định dừng không trích nộp khoản này từ năm 2015. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban nhân dân Tỉnh chưa ban hành quyết định dừng thu khoản đóng góp cho địa phương nêu trên. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc không trích lập khoản này là phù hợp và không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2018 là năm Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện còn có nhiều khó khăn như: các chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác khoáng sản ngày càng chặt chẽ, mức thuế, phí tài nguyên và bảo vệ môi trường biến động tăng cao hơn mức dự kiến kế hoạch của Công ty. Đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động bất lợi từ việc giá bán kim loại thành phẩm thì không tăng trong khi giá một số nguyên liệu vật tư tăng cao so với năm 2017, đồng thời điều kiện thời tiết, địa hình khai thác càng ngày càng khó khăn.

Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn bất lợi nhưng với nỗ lực vượt bậc của Ban Giám đốc và tập thể CB công nhân viên, người lao động kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng rất khả quan, doanh thu và lợi nhuận vẫn vượt mức kế hoạch do Đại hội cổ đông đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc có 03 thành viên, trong đó có chức danh Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, giảm một Phó giám đốc so với năm trước do đến tuổi nghỉ hưu.

Trong năm, Ban Giám đốc đã có nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trình Hội đồng quản trị ban hành các quy chế để hoàn thiện công tác quản trị điều hành của Công ty. Cụ thể: Ban Giám đốc trình Hội đồng quản trị ban hành 03 Quy chế: Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản và Quy định phân cấp trong hoạt động điều hành giữa Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị theo dõi sát sao hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, tạo điều kiện cho Ban giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác đầu tư, tiết giảm chi phí, nắm chắc diễn biến của thị trường tiêu thụ, rà soát xây dựng lại cơ chế tiêu thụ sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng nội địa
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch Hội đồng quản trị	399.800	3,173
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó chủ tịch HĐQT	0	0
Ông Ma Ngọc Tiến	TVHĐQT – GD	40.800	0,323

Ông Trịnh Ngọc Hiếu	TVHĐQT – PGĐ	245.200	1,946
Ông Vũ Trí Thức	TV HĐQT	0	0
Ông Nguyễn Trung Hiếu	TV HĐQT	70.000	0
Ông Tạ Hồng Thăng	TVHĐQT	32.400	0,257

➤ Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban. Thư ký Hội đồng quản trị là ông Đỗ Khắc Hùng (thay thế ông Đào Xuân Tuất do đến tuổi nghỉ hưu) đóng vai trò giúp việc cho các thành viên Hội đồng quản trị, hỗ trợ cho các thành viên Hội đồng quản trị trong công tác quản trị điều hành.

➤ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị của Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp, các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chiến lược kinh doanh của Công ty.

ST T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch		04	100%	
2	Nguyễn Việt Phương	P.Chủ tịch		04	100%	
3	Ma Ngọc Tiến	TVHĐQT		04	100%	
4	Ông Trịnh Ngọc Hiếu	TVHĐQT		04	100%	
5	Ông Tạ Hồng Thăng	TVHĐQT		02	50%	Bận công tác
6	Ông Nguyễn Trung Hiếu	TVHĐQT		04	100%	
7	Ông Vũ Trí Thức	TVHĐQT		02	50%	Bận công tác

Các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của đại diện Ban Kiểm soát Công ty và có thư ký Hội đồng quản trị ghi lại Biên bản chi tiết nội dung họp và có Nghị quyết các cuộc họp. Cụ thể trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	16/01/2018	<p>Nghị quyết HĐQT phiên họp lần 9, kỳ tháng 1/ 2018</p> <p>Điều 1. Thông qua một số chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổng doanh thu: 111.113.459.419 đồng Lợi nhuận trước thuế: 29.110.531.349 đồng Lợi nhuận sau thuế: 26.765.461.562 đồng <p>Số liệu cuối cùng sẽ được thông qua trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017</p> <p>Điều 2. Thống nhất định hướng xây dựng KHSX năm 2018 để trình Đại hội đồng cổ đông với các chỉ tiêu chính, như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Khai thác quặng antimon: 3.500 tấn HL BQ \geq 14% Bóc xúc khối lượng mỏ: 400.000 m³ Thiêu kết quặng antimon bột; 5.200 Tấn Sản xuất sản phẩm kim loại antimon: 600 tấn Tiêu thụ kim loại antimon: 650 tấn (dự kiến giá 7.900 USD/tấn chưa bao gồm 5% thuế XK) Doanh thu thuần: 116,5 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế: \geq 34 tỷ đồng Cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu \geq 15% <p>Điều 3. Thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2017</p> <ul style="list-style-type: none"> Thanh toán cổ tức bằng tiền mặt: 18% Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 10% Thuởng vượt kế hoạch: 20% (LNTT so với KH) <p>Điều 4. Các nội dung thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 giao cho Ban giám đốc chuẩn bị tài liệu trình Hội đồng quản trị xem xét.</p> <p>Điều 5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
2	01/QĐ-HĐQT	02/02/2018	Quyết định khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm 2017
3	02/QĐ-HĐQT	28/03/2018	Quyết định đưa đoàn công nhân kỹ thuật sang Trung Quốc đào tạo kỹ thuật thiêu luyện kim loại antimon.
4	03/QĐ-HĐQT	02/04/2018	Quyết định về mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2018
5	02-2018/NQ-DHĐCĐ	01/04/2018	Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
6	03/NQ-HĐQT	12/04/2018	<p>Nghị quyết HĐQT về thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt</p> <p>Điều 1. Thông qua kế hoạch thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ thực hiện: 8% (01 cổ phần được nhận 800đồng) Thời gian thực hiện: Trong tháng 5 năm 2018. <p>Điều 2. Giao cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng triển khai thực hiện</p>
7	04/NQ-HĐQT	13/04/2018	Nghị quyết HĐQT về phiên họp lần 10, kỳ tháng

			<p>3/2018</p> <p>Điều 1. Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018</p> <p>Điều 2. Thông qua một số chỉ tiêu chính về hoạt động SXKD quý I năm 2018 và KHSXKD quý II năm 2018:</p> <p>Thông qua báo cáo của Người đại diện về các nội dung tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Khai thác, chế biến Khoáng sản Hải Dương và Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.</p> <p>Điều 4. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Mậu Duệ - Yên Minh.</p> <p>Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
8	05/NQ-HĐQT	18/7/2018	<p>Nghị quyết HĐQT về phiên họp lần 11, kỳ tháng 7/2018</p> <p>Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả SXKD 6 tháng và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2018.</p> <p>Điều 2. Thông qua quy chế hoạt động của HĐQT.</p> <p>Điều 3. Thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018. Tỷ lệ 15%. Thực hiện trong tháng 8/2018.</p> <p>Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>
9	Số 04/QĐ-HĐQT; 05;06;07;08;09;10; 11;12;13;14;15;16; 17;18;19;20;21;22;	30/7/2018	Ban hành các Quyết định v/v Thường hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2017 cho HĐQT, Ban kiểm soát và ban quản lý điều hành công ty.
10	23/2018/QĐ-HĐQT	01/9/2018	Quy định về phân cấp trong hoạt động điều hành giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, Giám đốc chi nhánh nhiệm kỳ 2016-2020
11	24/2018/QĐ-HĐQT	01/9/2018	Quy chế quản lý tài chính Công ty
12	25/2018/QĐ-HĐQT	01/9/2018	Quy chế quản lý đầu tư, xây dựng của Công ty
13	06/NQ-HĐQT	30/10/2018	<p>Nghị quyết HĐQT về phiên họp lần 12, tháng 10/2018.</p> <p>Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả SXKD 9 tháng và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2018.</p> <p>Điều 2. Thông qua Báo cáo chuyên đề của BKS.</p> <p>Điều 3. Miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc công ty, thư ký HĐQT, người được ủy quyền công bố thông tin nhiệm kỳ 2016-2020 kể từ 1/11/2018 đối với Ông Đào Xuân Tuất. Bổ nhiệm Ông Đỗ Khắc Hùng kiêm nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty nhiệm kỳ 2016-2020 từ ngày 1/11/2018</p> <p>Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành.</p>
14	26/QĐ-HĐQT	30/10/2018	Miễn nhiệm chức vụ đối với Ông Đào Xuân Tuất

15	27/QĐ-HĐQT	30/10/2018	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
----	------------	------------	-------------------------------------------

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban		4	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	TV BKS		4	100%	
3	Ông Nguyễn Hữu Trọng	TV BKS		4	100%	

- Hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông
 - ✓ Tổ chức họp BKS định kỳ theo quý với 100% thành viên tham gia.
 - ✓ Tham dự đầy đủ các buổi họp HĐQT với nhiều đóng góp ý kiến theo chức năng và thẩm quyền.
 - ✓ Tiến hành rà soát các quy chế quản trị nội bộ của Công ty
 - ✓ Tiến hành đi kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - ✓ Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm do Công ty và Công ty TNHH Deloitte kiểm toán lập.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

Stt	Thành viên	Chức danh	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc				
	1	Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
	2	Nguyễn Việt Phương	Phó chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000

3	Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000	474.822.800	570.822.800
4	Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000		96.000.000
5	Tạ Hồng Thăng	Thành viên HĐQT	96.000.000		96.000.000
6	Ma Ngọc Tiến	Thành viên HĐQT	96.000.000	672.893.800	758.893.800
7	Vũ Trí Thức	Thành viên HĐQT	96.000.000		96.000.000
9	Nguyễn Văn Biên			490.064.000	490.064.000
II	Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban	96.000.000	376.574.058	472.574.058
2	Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên	60.000.000	149.409.371	209.409.371
3	Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên	60.000.000		60.000.000
III	Thư ký Công ty				
1	Đào Xuân Tuát (miễn nhiệm ngày 30/10/2018 do đến tuổi nghỉ hưu)	Phó Giám đốc kiêm Thư ký Công ty	50.000.000	446.106.400	496.106.400
2	Đỗ Khắc Hùng	Kế toán trưởng kiêm Thư ký Công ty	10.000.000		

3.2. Giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Không						

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty, thực hiện báo cáo và công bố thông tin kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

- Ý kiến kiểm toán: Báo cáo kiểm toán số: 546/VN1A-HN-BC ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật của kế toán và kiểm toán (kèm theo).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch
Ông Ma Ngọc Tiến	Thành viên
Ông Vũ Trí Thức	Thành viên
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ma Ngọc Tiến	Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2018)



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang
Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2019



Số: 546 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày ngày 27 tháng 02 năm 2019, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang trình bày khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo giá gốc với số tiền là 69.469.880.000 đồng và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 28.501.943.890 đồng căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Đồng thời, số vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng trong công thức tính mức trích lập dự phòng được xác định bằng số lượng cổ phần Công ty nắm giữ nhân với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo đúng hướng dẫn của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, Công ty cần điều chỉnh hồi tố trích lập bổ sung dự phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền khoảng 27,6 tỷ đồng và hoàn nhập dự phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền khoảng 1,8 tỷ đồng, theo đó lợi nhuận trước thuế năm 2017 sẽ giảm khoảng 27,6 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế năm 2018 sẽ tăng số tiền khoảng 1,8 tỷ đồng. Trên Bảng cân đối kế toán, số đầu năm của khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sẽ tăng và khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm cùng một số tiền khoảng 27,6 tỷ đồng (qua đó ảnh hưởng đến việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018); số cuối năm của khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sẽ tăng và khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm cùng một số tiền khoảng 25,8 tỷ đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Dự án nhà máy tuyển quặng Antimon Mậu Duệ đã được triển khai từ năm 2013 theo Quyết định số 212/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy tuyển quặng Antimon Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Dự án vẫn chưa hoàn thành giai đoạn thực hiện đầu tư để đi vào hoạt động. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng liên quan đến việc tiếp tục triển khai hay dừng dự án. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày vấn đề không chắc chắn trọng yếu liên quan đến việc ghi nhận khoản phải nộp về Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang liên quan đến nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư, nâng cấp duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn Tỉnh Hà Giang. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và vấn đề cần nhấn mạnh về khoản đóng góp phải trả cho địa phương.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 02 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.198.138.413	165.804.239.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.126.179.548	34.239.039.362
1. Tiền	111		13.126.179.548	20.639.039.362
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	13.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		102.500.000.000	106.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	102.500.000.000	106.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.070.378.815	6.551.820.796
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.010.798.771	742.857.115
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.065.989.992	4.130.643.971
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.719.830.905	2.404.560.563
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(726.240.853)	(726.240.853)
IV. Hàng tồn kho	140	9	15.376.626.973	18.611.599.405
1. Hàng tồn kho	141		15.376.626.973	18.611.599.405
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		124.953.077	101.780.433
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	104.468.433	101.780.433
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		20.484.644	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.430.373.289	97.254.184.499
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.918.628.257	1.687.028.187
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.918.628.257	1.687.028.187
II. Tài sản cố định	220		36.726.936.891	33.241.476.442
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.471.651.571	7.673.748.369
- Nguyên giá	222		62.393.377.992	50.236.232.139
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.921.726.421)	(42.562.483.770)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	20.255.285.320	25.567.728.073
- Nguyên giá	228		46.168.552.193	46.168.552.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.913.266.873)	(20.600.824.120)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	9.048.610.222	7.524.124.447
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.048.610.222	7.524.124.447
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	53.724.836.350	54.224.836.350
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.756.900.240	12.756.900.240
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		69.469.880.000	69.969.880.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(28.501.943.890)	(28.501.943.890)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.011.361.569	576.719.073
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.011.361.569	576.719.073
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		250.628.511.702	263.058.424.495

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.490.641.990	51.706.951.595
I. Nợ ngắn hạn	310		22.165.621.608	38.260.123.713
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.253.961.457	2.909.681.678
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	12.257.635.580	17.438.404.222
3. Phải trả người lao động	314		3.128.898.415	2.856.970.178
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.321.410.732	330.010.732
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	735.252.224	12.606.213.648
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.468.463.200	2.118.843.255
II. Nợ dài hạn	330		13.325.020.382	13.446.827.882
1. Phải trả người bán dài hạn	331		9.000.000	9.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	13.316.020.382	13.437.827.882
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.137.869.712	211.351.472.900
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	215.137.869.712	211.351.472.900
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.000.000.000	126.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.833.907.079)	(42.833.907.079)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		107.025.722.491	107.025.722.491
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.103.464.642	1.103.464.642
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.342.589.658	15.556.192.846
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	2.049.724.356
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		19.342.589.658	13.506.468.490
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		250.628.511.702	263.058.424.495



Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng




Mã Ngọc Tiên
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	112.158.894.987	104.251.282.519
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		112.158.894.987	104.251.282.519
3. Giá vốn hàng bán	11	20	65.097.252.816	51.559.143.541
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		47.061.642.171	52.692.138.978
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.831.042.954	6.782.091.445
6. Chi phí tài chính	22	23	68.034.710	15.680.118.259
7. Chi phí bán hàng	25	25	1.237.075.412	1.693.719.708
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.965.110.378	12.468.125.300
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		41.622.464.625	29.632.267.156
10. Thu nhập khác	31		81.334.499	80.085.455
11. Chi phí khác	32		1.639.729.778	601.821.262
12. Lỗ khác (40=31-32)	40	24	(1.558.395.279)	(521.735.807)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.064.069.346	29.110.531.349
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	4.860.889.788	2.345.069.787
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		35.203.179.558	26.765.461.562
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.805	1.945

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiên
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.064.069.346	29.110.531.349
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.671.685.404	7.813.232.941
Các khoản dự phòng	03	-	15.467.831.405
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(150.223.888)	11.921.854
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.612.784.356)	(6.563.665.582)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.972.746.506	45.839.851.967
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.500.629.007)	(2.754.579.321)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.354.313.948)	1.994.152.553
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.139.707.071)	2.616.600.772
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.143.858.256)	637.001.419
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.249.689.964)	(1.010.669.721)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.649.506.801)	(2.136.297.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.935.041.459	45.186.060.505
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.502.519.791)	(4.341.597.738)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(102.500.000.000)	(182.100.008.716)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	106.300.000.000	138.600.008.716
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.342.770.630	6.024.821.087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.140.250.839	(41.816.776.651)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.338.376.000)	(14.304.864.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(39.338.376.000)	(14.304.864.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(17.263.083.702)	(10.935.580.146)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34.239.039.362	45.186.541.362
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	150.223.888	(11.921.854)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	17.126.179.548	34.239.039.362

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiên
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 126.000.000.000 VND. Trong đó vốn góp Nhà nước là 58.762.800.000 VND, chiếm 46,64% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 156 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 161).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

Hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến quặng antimon.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng chính của Công ty đặt tại Hà Giang, văn phòng chi nhánh đặt tại Hà Nội, 01 phân xưởng khai thác và 01 phân xưởng luyện antimon đặt tại Hà Giang.

Công ty có một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp". Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa. vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc. thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải. thiết bị truyền dẫn	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và bản quyền khai thác và chi phí đầu tư nghiên cứu.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú và đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Bản quyền khai thác mỏ antimon và chi phí đầu tư nghiên cứu

Bản quyền khai thác và chi phí đầu tư nghiên cứu bao gồm quyền khai thác khoáng sản và bản quyền bằng sáng chế - Đề tài Chì - Kẽm.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Quyền khai thác khoáng sản bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang", chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được Giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 11,5 năm, trong khi chi phí hoàn nguyên môi trường được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản tính từ khi ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường.

Các tài sản cố định vô hình còn lại được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại Hà Nội và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Hà Nội đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (thời hạn 12 tháng).

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí hoàn nguyên môi trường

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996. Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Công ty đã thực hiện lập dự phòng cho chi phí hoàn nguyên môi trường nêu trên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng Cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2006), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư Công ty liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 đến năm 2017, Công ty áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%.

Năm 2018, Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% đối với hoạt động kinh doanh chính và mức thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 18%. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	641.641.170	574.930.875
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.484.538.378	20.064.108.487
Các khoản tương đương tiền (i)	4.00.000.000	13.600.000.000
	<u>17.126.179.548</u>	<u>34.239.039.362</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	102.500.000.000	-	106.300.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại</i>	<i>102.500.000.000</i>	<i>-</i>	<i>106.300.000.000</i>	<i>-</i>
b. Đầu tư vào công ty liên kết	12.756.900.240	-	12.756.900.240	-
<i>Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (i)</i>	<i>12.756.900.240</i>	<i>-</i>	<i>12.756.900.240</i>	<i>-</i>
c. Đầu tư vào đơn vị khác	69.469.880.000	(28.501.943.890)	69.969.880.000	(28.501.943.890)
<i>Công ty Cổ phần Gang Thép Cao Bằng (ii)</i>	<i>69.469.880.000</i>	<i>(28.501.943.890)</i>	<i>69.469.880.000</i>	<i>(28.501.943.890)</i>
<i>Quỹ đầu tư, phát triển đất và bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>	<i>-</i>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 613.116 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 35,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 4.166.988 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 9,69% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang trình bày khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo giá gốc với số tiền là 69.469.880.000 đồng và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 28.501.943.890 đồng căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Đồng thời, số vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng trong công thức tính mức trích lập dự phòng được xác định bằng số lượng cổ phần Công ty nắm giữ nhân với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tập đoàn Tokokosen - Nhật Bản	3.121.538.824	471.091.118
Phải thu các khách hàng khác	2.889.259.947	271.765.997
Cộng	<u>6.010.798.771</u>	<u>742.857.115</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	2.719.830.905	2.404.560.563
- Tạm ứng cho nhân viên	352.677.151	316.335.866
- Lãi tiền gửi dự thu	2.220.242.618	1.950.228.892
- Phải thu khác	146.911.136	137.995.805
b. Dài hạn	1.918.628.257	1.687.028.187
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	1.746.647.857	1.515.047.787
- Các khoản đặt cọc	171.980.400	171.980.400
Cộng	<u>4.638.459.162</u>	<u>4.091.588.750</u>

8. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

Đối tượng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND			VND		
Doanh nghiệp tư nhân Xí nghiệp Xây lắp Thành Đồng	202.440.273	-	Trên 3 năm	202.440.273	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Hạ Long	455.840.600	-	Trên 3 năm	455.840.600	-	Trên 3 năm
Khách hàng khác	67.959.980	-	Trên 3 năm	67.959.980	-	Trên 3 năm
	726.240.853	-		726.240.853	-	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu căn cứ theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị dự phòng.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.856.036.981	-	3.505.754.345	-
Công cụ, dụng cụ	673.506.371	-	276.059.995	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.848.207.684	-	-	-
Thành phẩm	9.998.875.937	-	14.829.785.065	-
Cộng	15.376.626.973	-	18.611.599.405	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	104.468.433	101.780.433
- Chi phí thuê văn phòng	104.468.433	101.780.433
b. Dài hạn	4.011.361.569	576.719.073
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.011.361.569	576.719.073
Cộng	4.115.830.002	678.499.506

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	20.872.809.715	20.751.169.358	556.448.200	8.055.804.866	50.236.232.139
Tăng trong năm	-	441.217.273	-	-	441.217.273
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.763.969.915	9.951.958.665	-	-	11.715.928.580
Số dư cuối năm	22.636.779.630	31.144.345.296	556.448.200	8.055.804.866	62.393.377.992
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	17.487.034.846	18.774.212.496	529.504.032	5.771.732.396	42.562.483.770
Khấu hao trong năm	1.070.021.447	1.745.610.023	10.430.000	533.181.181	3.359.242.651
Số dư cuối năm	18.557.056.293	20.519.822.519	539.934.032	6.304.913.577	45.921.726.421
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.385.774.869	1.976.956.862	26.944.168	2.284.072.470	7.673.748.369
Tại ngày cuối năm	4.079.723.337	10.624.522.777	16.514.168	1.750.891.289	16.471.651.571

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 38.638.514.466 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 29.219.000.000 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Bản quyền. bằng sáng chế VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.827.595.455	40.643.520.837	380.554.359	2.316.881.542	46.168.552.193
Số dư cuối năm	2.827.595.455	40.643.520.837	380.554.359	2.316.881.542	46.168.552.193
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	799.624.635	17.103.763.584	380.554.359	2.316.881.542	20.600.824.120
Khấu hao trong năm	106.826.216	5.205.616.537	-	-	5.312.442.753
Số dư cuối năm	906.450.851	22.309.380.121	380.554.359	2.316.881.542	25.913.266.873
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.027.970.820	23.539.757.253	-	-	25.567.728.073
Tại ngày cuối năm	1.921.144.604	18.334.140.716	-	-	20.255.285.320

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.697.435.901 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.697.435.901 VND).

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimon Mậu Duệ	6.406.990.734	5.612.993.961
- Dự án Nhà máy tuyển quặng antimon Mậu Duệ (i)	1.703.504.827	1.703.504.827
- Hệ thống trạm xử lý khí thải nhà máy luyện Antimon Mậu Duệ (ii)	518.447.039	-
- Công trình xử lý nước sau đập hạ lưu mỏ Antimon Mậu Duệ (ii)	245.306.713	-
- Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng Công ty	174.360.909	174.360.909
- Chi phí sửa chữa nâng cấp lò thiêu bằng	-	23.689.750
- Công trình nhà bao che phân xưởng luyện	-	9.575.000
	9.048.610.222	7.524.124.447

- (i) Dự án nhà máy tuyển quặng antimon Mậu Duệ đã được triển khai từ năm 2013 theo Quyết định số 212/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy tuyển quặng Antimon Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Dự án vẫn chưa hoàn thành giai đoạn thực hiện đầu tư để đi vào hoạt động.
- (ii) Phản ánh chi phí nâng cấp cải tạo hệ thống trạm xử lý khí thải máy luyện và xử lý nước sau đập hạ lưu tại mỏ Antimon Mậu Duệ. Công trình hiện vẫn đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư để đi vào hoạt động.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đức Minh	767.822.880	767.822.880	751.400.430	751.400.430
- Đội bốc xúc của ông Lê Văn Ngọc	187.321.072	187.321.072	1.616.695.068	1.616.695.068
- Công ty TNHH Thuận An	351.106.800	351.106.800	86.238.790	86.238.790
- Trần Quang Khanh	254.505.900	254.505.900	-	-
- Công ty TNHH cơ khí đúc 1-5	214.098.654	214.098.654	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	479.106.151	479.106.151	455.347.390	455.347.390
	2.253.961.457	2.253.961.457	2.909.681.678	2.909.681.678

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.031.636	1.981.622.765	1.764.180.377	221.474.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.246.748.425	4.860.889.788	5.249.689.964	857.948.249
Thuế thu nhập cá nhân	17.385.382	1.595.936.999	1.580.804.700	32.517.681
Thuế xuất khẩu	-	5.336.978.869	5.336.978.869	-
Thuế tài nguyên (ii)	1.145.552.544	10.561.870.799	11.640.364.317	67.059.026
Phí bảo vệ môi trường	37.443.235	327.942.351	365.385.586	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tiền thuê đất	-	1.519.780	1.519.780	-
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (i)	14.987.243.000	-	3.908.606.400	11.078.636.600
	17.438.404.222	24.669.761.351	29.850.529.993	12.257.635.580

- (i) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang". Số dư tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp từ năm 2019 đến năm 2022 là 7.898.647.600 VND (thanh toán hàng năm theo thông báo của Cơ quan Nhà nước) và số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.179.989.000 VND (Nhà nước tạm thời chưa thu theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ).
- (ii) Công ty đang áp dụng phương pháp tính sản lượng tài nguyên tính thuế và giá tính thuế đơn vị tài nguyên theo tiêu chí sản phẩm công nghiệp căn cứ trên Công văn số 57/CN ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Cục Công nghiệp. Bộ Công thương có sự khác biệt so với Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên và các Quyết định của UBND tỉnh Hà Giang về giá tính thuế đơn vị tài nguyên.

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	180.000.000	360.000.000
Cổ tức, Lợi nhuận phải trả	-	11.920.720.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	555.252.224	325.493.648
Cộng	735.252.224	12.606.213.648

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.316.020.382	13.437.827.882
	13.316.020.382	13.437.827.882

- (i) Dự phòng phải trả dài hạn gồm chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính mà Công ty phải nộp Ngân sách Nhà nước sau khi kết thúc khai thác khoáng sản để cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước như được trình bày năm trước	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	107.025.722.491	1.103.464.642	16.303.747.275	212.099.027.329
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	26.765.461.562	26.765.461.562
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.287.431.991)	(1.287.431.991)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(26.225.584.000)	(26.225.584.000)
Số dư đầu năm nay	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	107.025.722.491	1.103.464.642	15.556.192.846	211.351.472.900
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	35.203.179.558	35.203.179.558
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	(3.999.126.746)	(3.999.126.746)
Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	-	(27.417.656.000)	(27.417.656.000)
Số dư cuối năm nay	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	107.025.722.491	1.103.464.642	19.342.589.658	215.137.869.712

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức như sau:

- Chia cổ tức năm bằng tiền là 21.457.296.000 VND (tương ứng 18%), trong đó:

- Đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2017 là 11.920.720.000 VND;
- Còn phải trích vào báo cáo tài chính năm nay là 9.536.576.000 VND.

- Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt $\geq 15\%$, theo đó, trong năm Công ty đã tạm tính phải trả cổ tức tương ứng số tiền 17.881.080.000 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị (Phiên họp lần thứ 11, kỳ tháng 7 năm 2018, nhiệm kỳ 2016 – 2020), đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền mặt tỷ lệ 15% (01 cổ phần nhận được 1.500 VND).

Tổng số tiền Công ty đã thực chi trả cổ tức trong năm 2018 là 39.338.376.000 VND.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi vào năm 2018 với số tiền 3.999.126.746 VND, trong đó:

- Trích lập 20% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch năm 2017 cho Ban điều hành với số tiền 902.106.200 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10% từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 số tiền 2.675.646.200 VND (số tiền đã trích năm 2017 là 1.338.273.072 VND, số còn phải trích năm 2018 là 1.337.373.128 VND).
Tạm trích 5% quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền 1.759.647.418 VND.

Số lượng cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.600.000	12.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.600.000	12.600.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	679.280	679.280
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	679.280	679.280
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.920.720	11.920.720
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.920.720	11.920.720

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 126.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	58.762.800.000	47%	58.762.800.000	47%
Cổ đông nội bộ (thành viên HĐQT, BGD, BKS và KTT) Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương Công ty TNHH Quốc tế DP	1.252.300.000	1%	1.252.300.000	1%
Cổ phiếu quỹ	4.000.000.000	3%	4.000.000.000	3%
Các cổ đông khác	10.011.000.000	8%	10.011.000.000	8%
	6.792.800.000	5%	6.792.800.000	5%
	45.181.100.000	36%	45.181.100.000	36%
Tổng cộng	126.000.000.000	100%	126.000.000.000	100%



19. DOANH THU

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Doanh thu bán kim loại antimon	112.158.894.987	104.251.282.519
	<u>112.158.894.987</u>	<u>104.251.282.519</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn khai thác và chế biến kim loại antimon	65.097.252.816	51.559.143.541
	<u>65.097.252.816</u>	<u>51.559.143.541</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.678.386.737	10.103.917.165
Chi phí nhân công	9.063.229.383	24.195.619.173
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.671.685.404	7.813.232.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.601.558.265	9.027.181.965
Chi phí khác bằng tiền	11.273.851.536	12.784.297.658
	<u>58.288.711.325</u>	<u>63.924.248.902</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.376.552.356	6.563.665.582
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.236.232.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	218.258.598	218.425.863
	<u>7.831.042.954</u>	<u>6.782.091.445</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	68.034.710	11.921.854
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	15.668.196.405
	<u>68.034.710</u>	<u>15.680.118.259</u>

24. LỖ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	81.334.499	80.085.455
	81.334.499	80.085.455
Chi phí khác	1.639.729.778	601.821.262
Trong đó:		
- Tiền ủng hộ các hoạt động xã hội	1.401.440.000	409.714.000
- Tiền phạt	34.189.778	3.987.262
- Chi phí khác	204.100.000	188.120.000
	1.639.729.778	601.821.262
Lỗ khác	(1.558.395.279)	(521.735.807)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý	9.053.363.688	7.657.383.701
- Chi phí Khấu hao	206.060.821	573.563.081
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	777.425.027	868.494.915
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.928.260.842	3.368.683.603
	11.965.110.378	12.468.125.300
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.188.290.412	1.667.738.708
- Chi phí bán hàng khác	48.785.000	25.981.000
	1.237.075.412	1.693.719.708

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	40.064.069.346	29.110.531.349
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.444.490.598	218.425.863
- Cổ tức từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Dương	1.226.232.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	218.258.598	218.425.863
Trừ: Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời	-	8.174.096.818
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.463.953.120	2.732.689.202
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	42.083.531.868	23.450.697.870
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	35.761.869.501	41.235.947.917
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác (i)	6.423.514.186	(17.785.250.047)
Thuế suất (ii)	10% và 20%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.860.889.788	2.345.069.787

(i) Hoạt động chính được hưởng ưu đãi thuế suất 10%. Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế, mà áp dụng theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- (ii) Theo Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.203.179.558	26.765.461.562
<i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(1.759.647.418)	(3.577.752.400)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.443.532.140	23.187.709.162
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.920.720	11.920.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.805	1.945

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, cụ thể như sau:

	<u>Năm trước</u>	
	<u>Số đã báo cáo</u> VND	<u>Số trình bày lại</u> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.765.461.562	26.765.461.562
<i>Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(1.338.273.072)	(3.577.752.400)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.427.188.490	23.187.709.162
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.920.720	11.920.720
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.133	1.945

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	616.492.800	611.812.800

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Từ 1 năm trở xuống	254.912.000	252.358.400
	254.912.000	252.358.400

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 80 m² tại tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm và được gia hạn hàng năm.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước
 Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến
 Khoáng sản Hải Dương

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Quản lý, điều hành Công ty
 Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước		
Cổ tức đã trả	19.391.724.000	7.051.536.000
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương		
Cổ tức được chia	1.226.232.000	-

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Hội đồng Quản trị	972.000.000	1.722.248.500
Ban Giám đốc	2.088.801.992	2.165.755.500

30. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Theo Quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang về việc quy định tạm thời mức đóng từ hoạt động khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Công ty có nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và công trình phúc lợi.

Căn cứ Báo cáo số 109/BC-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế Tỉnh Hà Giang về việc đề nghị Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân Tỉnh về việc tạm dừng thực hiện thu khoản đóng góp nêu trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định cuối cùng đối với việc dừng thu cuối niên độ các khoản đóng góp cho địa phương nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa ghi nhận khoản đóng góp cho địa phương với số tiền là 45.990.000.000 VND trên báo cáo tài chính do chưa chắc chắn về kết quả của vấn đề nêu trên.



Hoàng Lê Khanh
 Người lập biểu



Đỗ Khắc Hùng
 Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiên
 Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2019